

ĐA DẠNG THÀNH PHẦN LOÀI CHIM Ở QUẬN BA ĐÌNH, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Nguyễn Lân Hùng Son^{1*}, Nguyễn Trọng Nghĩa², Nguyễn Quang Huy³

TÓM TẮT

Ba Đình là một trong 12 quận của thành phố Hà Nội và là 1 trong 4 quận trung tâm có tỉ lệ đô thị hóa cao với mật độ dân số 24.223,7 người/km². Trên địa bàn quận có nhiều di tích lịch sử văn hóa và là trung tâm chính trị của cả nước. Quận Ba Đình có nhiều công viên, hồ nước, độ che phủ cây xanh lớn với nhiều cây cổ thụ hàng trăm năm tuổi. Nghiên cứu chim ở quận Ba Đình từ tháng 3/2022 đến tháng 6/2023 đã ghi nhận được 110 loài thuộc 73 giống, 37 họ, 12 bộ. Trong đó, có 58 loài định cư, 44 loài di cư, 1 loài lang thang, 7 loài vừa có quần thể định cư và di cư. 6 loài được ghi nhận bổ sung cho khu hệ chim ở thành phố Hà Nội bao gồm: Gõ kiến nhỏ bụng hung (*Dendrocopos hyperythrus*), Phụng chèo hồ nâu (*Pericrocotus cantonensis*), Phụng chèo xám lớn (*Coracina javensis*), Chích ớt vàng (*Phylloscopus cantator*), Chích đuôi trắng kloss (*Phylloscopus ogilviegranti*), Sẻ bụi vàng (*Passer flaveolus*). Công viên, hồ nước và khu vực bãi bồi ven sông là những nơi có tính đa dạng thành phần loài chim cao, đặc biệt là các loài chim di cư. Trong quá trình quy hoạch phát triển quận Ba Đình, thành phố Hà Nội cần quan tâm đến bảo tồn đa dạng sinh học đáp ứng phát triển bền vững và hướng tới một thành phố sinh thái.

Từ khóa: Chim, đa dạng, ghi nhận mới, đô thị hóa, Ba Đình, Hà Nội.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Đô thị hóa là một quá trình tất yếu trong sự phát triển của xã hội. Tỉ lệ và tốc độ đô thị hóa đang tăng nhanh ở nhiều thành phố của Việt Nam, trong đó có thành phố Hà Nội. Tỉ lệ đô thị hóa cao tập trung ở các quận, đặc biệt là các quận trung tâm của thành phố. Quận Ba Đình có tổng diện tích 921 ha, trong đó diện tích đất ở chiếm 34,1%, diện tích đất chuyên dùng chiếm 54,8% và diện tích đất sản xuất nông nghiệp chỉ chiếm 0,2% nằm chủ yếu ở khu vực bãi bồi ven sông Hồng trên địa phận phường Phúc Xá. Dân số của quận năm 2022 là 223.100 người, mật độ dân số là 24.223,7 người/km² [1]. Cho đến nay đã ghi nhận ở thành phố Hà Nội có 373 loài chim thuộc 74 họ, 20 bộ [2]. Số loài chim ở Hà Nội chiếm 40,63% so với tổng số loài chim ghi nhận được ở Việt Nam (918 loài) [3]. Quá trình đô thị hóa thường dẫn tới sự thay đổi mục đích sử dụng đất, thảm thực vật bị thay đổi, mật độ dân cư tăng cao, mức độ ô nhiễm môi trường gia tăng... Các loài động vật hoang dã,

trong đó có quần xã chim tất yếu sẽ thay đổi theo. Nhiều loài biến mất hay số lượng quần thể bị suy giảm và một số loài mới thích nghi với môi trường đô thị xuất hiện. Mặc dù là quận có tỉ lệ đô thị hóa cao song quận Ba Đình vẫn duy trì được nhiều công viên như: Vườn Bách Thảo Hà Nội, Vườn thú Hà Nội, Công viên Lê Nin, Công viên Indira Gandhi và nhiều hồ nước như: Hồ Trúc Bạch, hồ Thủ Lệ, hồ Thành Công, hồ Ngọc Khánh, hồ Giảng Võ, hồ Bách Thảo, hồ Hữu Tiệp. Các đường phố trong quận được bao phủ bởi hệ thống cây bóng mát với nhiều hàng cây hơn một trăm năm tuổi như: Xà cừ, sấu, xoài, nhội, bồ đề... Chính sự đa dạng về sinh cảnh, nhiều khu vực được bảo vệ tốt nên các loài chim hoang dã có thể vẫn duy trì được tính đa dạng. Nghiên cứu này nhằm đánh giá hiện trạng đa dạng thành phần loài chim ở quận Ba Đình trong năm 2022 - 2023. Đây là cơ sở khoa học để đề xuất cho thành phố và quận các giải pháp trong quá trình quy hoạch phát triển không gian cảnh quan đô thị hướng tới một thành phố sinh thái, con người sống hài hòa với thiên nhiên.

¹ Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

² Học viên cao học K31, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

³ Học viên cao học K30, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

* Email: sonnlh@hnue.edu.vn

KHOA HỌC CÔNG NGHỆ

			Ghi nhận		
1	Cu sen Oriental Turtle-dove	<i>Streptopelia orientalis</i> (Latham, 1790)		+	R
2	Cu ngói Red Turtle-dove	<i>Streptopelia tranquebarica</i> (Hermann, 1804)	+		R
3	Cu gáy Eastern Spotted Dove	<i>Streptopelia chinensis</i> (Scopoli, 1786)	+		R
II. Bộ Cú muỗi		Caprimulgiformes			
2. Họ Yến		Apodidae			
4	Yến cọ Asian Palm-swift	<i>Cypsiurus balasiensis</i> (Gray, 1829)	+		R
III. Bộ Cu cu		Cuculiformes			
3. Họ Cu cu		Cuculidae			
5	Bìm bịp lớn Greater Coucal	<i>Centropus sinensis</i> (Stephens, 1815)	+		R
6	Bìm bịp nhỏ Lesser Coucal	<i>Centropus bengalensis</i> (Gmelin, 1788)	+		M
7	Phuơn Green-billed Malkoha	<i>Phaenicophaeus tristis</i> (Lesson, 1830)		+	R
8	Tu hú Western Koel	<i>Eudynamys scolopacea</i> (Linnaeus, 1758)	+		M
9	Tìm vẹt Plaintive Cuckoo	<i>Cacomantis merulinus</i> (Scopoli, 1786)	+		R
10	Chèo chèo lớn Large Hawk-cuckoo	<i>Hierococcyx sparverioides</i> (Vigors, 1831)	+		R
11	Bắt cô trối cột Indian Cuckoo	<i>Cuculus micropterus</i> (Gould, 1837)	+		M
12	Cu cu Common Cuckoo	<i>Cuculus canorus</i> (Linnaeus, 1758)	+		M
IV. Bộ Sếu		Gruiformes			
4. Họ Gà nước		Rallidae			
13	Cuốc ngực nâu Ruddy-breasted Crake	<i>Zapornia fusca</i> (Linnaeus, 1766)		+	M
14	Cuốc ngực trắng White-breasted Waterhen	<i>Amaurornis phoenicurus</i> (Pennant, 1769)	+		R
15	Kịch Common Moorhen	<i>Gallinula chloropus</i> (Linnaeus, 1758)	+		R
V. Bộ Bồ nông		Pelecaniformes			
5. Họ Diệc		Ardeidae			
16	Cò lùn vàng Yellow Bittern	<i>Ixobrychus sinensis</i> (Gmelin, 1789)	+		R
17	Cò lùn hung Cinnamon Bittern	<i>Ixobrychus cinnamomeus</i> (Gmelin, 1789)	+		R
18	Vạc rừng	<i>Gorsachius melanolophus</i>		+	M

KHOA HỌC CÔNG NGHỆ

			Ghi nhận		
	Malayan Night-heron	(Raffles, 1822)			
19	Vạc Black-crowned Night-heron	<i>Nycticorax nycticorax</i> (Linnaeus, 1758)	+		R
20	Cò xanh Green-backed Heron	<i>Butorides striata</i> (Linnaeus, 1758)	+		R
21	Cò bợ Chinese Pond-heron	<i>Ardeola bacchus</i> (Bonaparte, 1855)	+		R
22	Diệc lửa Purple Heron	<i>Ardea purpurea</i> (Linnaeus, 1766)	+		M
23	Cò trắng Little Egret	<i>Egretta garzetta</i> (Linnaeus, 1766)		+	R
VI. Bộ Rẽ		Charadriiformes			
6. Họ Choi choi		Charadriidae			
24	Choi choi nhỏ Little Ringed Plover	<i>Charadrius dubius</i> (Scopoli, 1786)	+		R
25	Choi choi khoang cổ Kentish Plover	<i>Charadrius alexandrinus</i> (Linnaeus, 1758)		+	M
VII. Bộ Ưng		Accipitriformes			
7. Họ Ưng		Accipitridae			
26	Diều trắng Black-winged Kite	<i>Elanus caeruleus</i> (Desfontaines, 1789)	+		R
27	Diều hâu Black Kite	<i>Milvus migrans</i> (Boddaert, 1783)	+		R, M
28	Diều ấn độ Grey-faced Buzzard	<i>Butastur indicus</i> (Gmelin, 1788)	+		M
VIII. Bộ Sẻ		Coraciiformes			
8. Họ Bồng chanh		Alcedininae			
29	Bồng chanh Common Kingfisher	<i>Alcedo atthis</i> (Linnaeus, 1758)	+		R
30	Bói cá nhỏ Pied Kingfisher	<i>Ceryle rudis</i> (Linnaeus, 1758)	+		R
31	Sẻ đầu nâu White-breasted Kingfisher	<i>Halcyon smyrnensis</i> (Linnaeus, 1758)		+	R
32	Sẻ đầu đen Black-capped Kingfisher	<i>Halcyon pileata</i> (Boddaert, 1783)	+		M
IX. Bộ Gõ kiến		Piciformes			
9. Họ Gõ kiến		Picidae			
33*	Gõ kiến nhỏ bụng hung Rufous-bellied Woodpecker	<i>Dendrocopos hyperythrus</i> (Vigors, 1831)	+		R
X. Bộ Cắt		Falconiformes			
10. Họ Cắt		Falconidae			
34	Cắt lưng hung	<i>Falco tinnunculus</i>	+		M

KHOA HỌC CÔNG NGHỆ

			Ghi nhận		
	Common Kestrel	(Linnaeus, 1758)			
35	Cắt lớn Peregrine Falcon	<i>Falco peregrinus</i> (Tunstall, 1771)	+		M
XI. Bộ Vẹt		Psittaciformes			
11. Họ Vẹt		Psittacidae			
36	Vẹt ngực đỏ Red-breasted Parakeet	<i>Psittacula alexandri</i> (Linnaeus, 1758)	+		R
XII. Bộ Sẻ		Passeriformes			
12. Họ Vàng anh		Oriolidae			
37	Vàng anh trung quốc Black-naped Oriole	<i>Oriolus chinensis</i> (Linnaeus, 1766)	+		M
13. Họ Phụng hoàng		Campephagidae			
38*	Phụng hoàng hông nâu Brown-rumped Minivet	<i>Pericrocotus cantonensis</i> (Swinhoe, 1861)	+		R
39*	Phụng hoàng xám lớn Large Cuckooshrike	<i>Coracina javensis</i> (Lesson, 1831)	+		R, M
40	Phụng hoàng xám Black-winged Cuckooshrike	<i>Lalage melaschistos</i> (Hodgson, 1836)	+		M
14. Họ Rẻ quạt		Rhipiduridae			
41	Rẻ quạt họng trắng White-throated Fantail	<i>Rhipidura albicollis</i> (Vieillot, 1818)	+		R
15. Họ Chèo bẻo		Dicruridae			
42	Chèo bẻo Black Drongo	<i>Dicrurus macrocercus</i> (Vieillot, 1817)	+		R, M
43	Chèo bẻo xám Ashy Drongo	<i>Dicrurus leucophaeus</i> (Vieillot, 1817)	+		R, M
44	Chèo bẻo bờm Hair-crested Drongo	<i>Dicrurus hottentottus</i> (Linnaeus, 1766)	+		M
16. Họ Thiên đường		Monarchidae			
45	Thiên đường đuôi phượng Chinese Paradise-flycatcher	<i>Terpsiphone incei</i> (Linnaeus, 1758)	+		M
17. Họ Bách thanh		Lanidae			
46	Bách thanh mày trắng Brown Shrike	<i>Lanius cristatus</i> (Linnaeus, 1758)	+		R
47	Bách thanh nhỏ Burmese Shrike	<i>Lanius collurio</i> (Lesson, 1834)	+		R
48	Bách thanh đầu đen Long-tailed Shrike	<i>Lanius schach</i> (Linnaeus, 1758)	+		R
49	Bách thanh lưng xám Grey-backed Shrike	<i>Lanius tephronotus</i> (Vigors, 1831)		+	R

KHOA HỌC CÔNG NGHỆ

			Ghi nhận		
18. Họ Quạ		Covidae			
50	Giẻ cùi Red-billed Blue Magpie	<i>Urocissa erythroryncha</i> (Boddaert, 1783)	+		R
19. Họ Chích tiên		Stenostiridae			
51	Đớp ruồi đầu xám Grey-headed Canary-flycatcher	<i>Culicicapa ceylonensis</i> (Swainson, 1820)	+		R, M
20. Họ Bạc má		Paridae			
52	Bạc má Great Tit	<i>Parus major</i> (Linnaeus, 1758)	+		R
21. Họ Sơn ca		Alaudidae			
53	Sơn ca Oriental Skylark	<i>Alauda gulgula</i> (Franklin, 1831)	+		R
22. Họ Chiền chiện		Cisticolidae			
54	Chiền chiện đồng hung Zitting Cisticola	<i>Cisticola juncidis</i> (Rafinesque, 1810)	+		R
55	Chiền chiện lưng xám Grey-breasted Prinia	<i>Prinia hodgsonii</i> (Blyth, 1844)	+		R
56	Chiền chiện bụng vàng Yellow-bellied Prinia	<i>Prinia flaviventris</i> (Delessert, 1840)	+		R
57	Chiền chiện bụng hung Plain Prinia	<i>Prinia inornata</i> (Sykes, 1832)	+		R
58	Chích bông đuôi dài Common Tailorbird	<i>Orthotomus sutorius</i> (Pennant, 1769)	+		R
59	Chích bông cánh vàng Dark-necked Tailorbird	<i>Orthotomus atrogularis</i> (Temminck, 1836)		+	R
23. Họ Nhạn		Hirundinidae			
60	Nhạn bụng trắng Barn Swallow	<i>Hirundo rustica</i> (Linnaeus, 1758)	+		M
61	Nhạn nâu đỏ Asian Plain Martin	<i>Riparia chinensis</i> (C. Rasmussen & C. Anderton, 2005)	+		R
24. Họ Chào mào		Pycnonotidae			
62	Chào mào Red-whiskered Bulbul	<i>Pycnonotus jocosus</i> (Linnaeus, 1758)	+		R
63	Bông lau trung quốc Light-vented Bulbul	<i>Pycnonotus sinensis</i> (Gmelin, 1789)	+		M
64	Bông lau tai trắng Sooty-headed Bulbul	<i>Pycnonotus aurigaster</i> (Vieillot, 1818)	+		R
25. Họ Chích lá		Phylloscopidae			
65	Chích mày lớn Yellow-browed Warbler	<i>Phylloscopus inornatus</i> (Blyth, 1842)	+		M
66	Chích hông vàng	<i>Phylloscopus proregulus</i>	+		M

KHOA HỌC CÔNG NGHỆ

			Ghi nhận		
	Pallas's Leaf-warbler	(Pallas, 1811)			
67	Chích nâu Dusky Warbler	<i>Phylloscopus fuscatus</i> (Blyth, 1842)	+		M
68	Chích bụng trắng Radde's Warbler	<i>Phylloscopus schwarzi</i> (Radde, 1863)		+	M
69	Chích đớp ruồi đầu xám Bianchi's Warbler	<i>Phylloscopus valentini</i> (E. Hartert, 1907)	+		M
70	Chích mày vàng Eastern Crowned Warbler	<i>Phylloscopus coronatus</i> (Temminck & Schlegel, 1847)	+		M
71	Chích phương bắc Arctic Warbler	<i>Phylloscopus borealis</i> (Blasius, 1858)	+		M
72*	Chích đít vàng Yellow-vented Warbler	<i>Phylloscopus cantator</i> (Tickell, 1833)	+		R
73	Chích đuôi xám Blyth's Leaf-warbler	<i>Phylloscopus reguloides</i> (Blyth, 1842)	+		R
74*	Chích đuôi trắng kloss Kloss's Leaf-warbler	<i>Phylloscopus ogilviegranti</i> (La Touche, 1922)	+		R
26. Họ Vành khuyên		Zosteropidae			
75	Vành khuyên nhật bản Swinhoe white-eye	<i>Zosterops simplex</i> (R. Swinhoe, 1861)	+		R, M
27. Họ Kim oanh		Leiotrichidae			
76	Họa mi Chinese Hwamei	<i>Garrulax canorus</i> (Linnaeus, 1758)		+	R
28. Họ Sáo		Sturnidae			
77	Sáo sậu Black-collared Starling	<i>Gracupica nigricollis</i> (Paykull, 1807)	+		R
78	Sáo đá trung quốc White-shouldered Starling	<i>Sturnia sinensis</i> (Gmelin, 1788)	+		R, M
79	Sáo mỏ vàng Great Myna	<i>Acridotheres grandis</i> (Moore, 1858)	+		R
29. Họ Hoét		Turdidae			
80	Hoét bụng trắng Japanese Thrush	<i>Turdus cardis</i> (Temminck, 1831)		+	M
30. Họ Đớp ruồi		Muscicapidae			
81	Chích chòe Oriental Magpie-robin	<i>Copsychus saularis</i> (Linnaeus, 1758)	+		R
82	Chích chòe lửa White-rumped Shama	<i>Copsychus malabaricus</i> (Scopoli, 1788)	+		R
83	Đớp ruồi xám Grey-streaked Flycatcher	<i>Muscicapa griseisticta</i> (Swinhoe, 1861)	+		V
84	Đớp ruồi nâu Asian Brown Flycatcher	<i>Muscicapa dauurica</i> (Pallas, 1811)	+		M

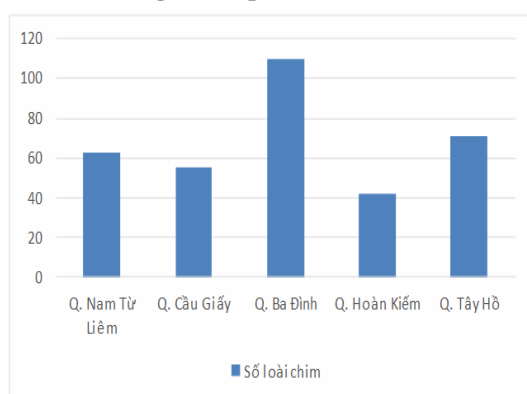
KHOA HỌC CÔNG NGHỆ

			Ghi nhận		
85	Đớp ruồi cằm đen Fujian Niltava	<i>Niltava davidi</i> (La Touche, 1907)	+		M
86	Đớp ruồi hải nam Hainan Blue-flycatcher	<i>Cyornis hainanus</i> (Ogilvie-Grant, 1900)		+	M
87	Oanh cổ xanh Bluethroat	<i>Luscinia svecicus</i> (Linnaeus, 1758)		+	M
88	Oanh cổ đỏ Siberian Rubythroat	<i>Calliope calliope</i> (Pallas, 1776)	+		M
89	Oanh đuôi trắng White-tailed Blue Robin	<i>Myiomela leucura</i> (Hodgson, 1845)	+		M
90	Đớp ruồi vàng Yellow-rumped Flycatcher	<i>Ficedula zanthopygia</i> (Hay, 1845)	+		M
91	Đớp ruồi mugì Mugimaki Flycatcher	<i>Ficedula mugimaki</i> (Temminck, 1835)		+	M
92	Đuôi đỏ núi đá trán xám Daurian Redstart	<i>Phoenicurus aureus</i> (Pallas, 1776)	+		M
93	Hoét đá Blue Rock-thrush	<i>Monticola solitarius</i> (Linnaeus, 1758)		+	M
94	Sẻ bụi đen Pied Bushchat	<i>Saxicola caprata</i> (Linnaeus, 1766)	+		M
95	Sẻ bụi đầu đen Common Stonechat	<i>Saxicola torquatus</i> (Linnaeus, 1766)	+		M
31. Họ Chim sâu		Dicaeidae			
96	Chim sâu lưng đỏ Scarlet-backed Flowerpecker	<i>Dicaeum cruentatum</i> (Linnaeus, 1758)	+		R
97	Chim sâu ngực đỏ <i>Dicaeum ignipectus</i>	<i>Dicaeum ignipectus</i> (Blyth, 1843)		+	R
32. Họ Hút mật		Nectariniidae			
98	Hút mật đuôi nhọn Scarlet-backed Flowerpecker	<i>Aethopyga christinae</i> (Swinhoe, 1869)	+		R
99	Hút mật họng tím Olive-backed Sunbird	<i>Cinnyris jugularis</i> (Linnaeus, 1766)		+	R
33. Họ Chim di		Estrildidae			
100	Di cam White-rumped Munia	<i>Lonchura striata</i> (Linnaeus, 1766)	+		R
101	Di đá Scaly-breasted Munia	<i>Lonchura punctulata</i> (Linnaeus, 1758)	+		R
34. Họ Sẻ		Passeridae			
102*	Sẻ bụi vàng Plain-backed Sparrow	<i>Passer flaveolus</i> (Blyth, 1844)	+		R
103	Sẻ Eurasian Tree Sparrow	<i>Passer montanus</i> (Linnaeus, 1758)	+		R

			Ghi nhận		
35. Họ Chà vôi		Motacillidae			
104	Chim manh vân nam Olive-backed Pipit	<i>Anthus hodgsoni</i> (Richmond, 1907)	+		M
105	Chim manh lớn Richard's Pipit	<i>Anthus richardi</i> (Vieillot, 1818)	+		M
106	Chà vôi trắng White Wagtail	<i>Motacilla alba</i> (Linnaeus, 1758)	+		M
107	Chà vôi núi Grey Wagtail	<i>Motacilla cinerea</i> (Tunstall, 1771)	+		M
108	Chà vôi đầu vàng Citrine Wagtail	<i>Motacilla citreola</i> (Pallas, 1776)	+		M
36. Họ Sẻ thông		Fringillidae			
109	Sẻ thông đầu xám Oriental Greenfinch	<i>Chloris sinica</i> (Linnaeus, 1766)	+		R
37. Họ Sẻ đồng		Emberizidae			
110	Sẻ đồng mặt đen Black-faced Bunting	<i>Emberiza spodocephala</i> (Pallas, 1776)	+		M

Ghi chú: QS: Quan sát trực tiếp; R: Định cư; M: Di cư; +. Ghi nhận được; * Loài ghi nhận bổ sung cho khu hệ chim của thành phố Hà Nội

3.2. Đa dạng thành phần loài



Hình 2. So sánh thành phần loài chim ghi nhận được ở 5 quận thuộc thành phố Hà Nội

Trong số 110 loài chim ghi nhận ở quận Ba Đình, có 58 loài là loài định cư, 44 loài là loài di cư, 1 loài là loài lang thang. Ngoài ra có 7 loài vừa có quần thể định cư và di cư, bao gồm: Diều hâu, phượng chèo xám lớn, chèo béo, chèo béo xám, đớp ruồi đầu xám, vành khuyên nhật bản và sáo đá trung quốc. Các loài định cư bao gồm nhiều loài thường gặp gần gũi với con người trong thành phố chủ yếu nằm trong bộ Sẻ (Passeriformes) như: Sẻ, chào mào, bông lau tai trắng, chích bông đuôi dài,

bạc má, chích chòe. Một số loài chim định cư khác ghi nhận ở các sinh cảnh đặc trưng như ao hồ, sinh cảnh ven sông, bãi bồi, trồng trọt canh tác nông nghiệp, vườn cây ăn quả như: Bìm bìm lớn, cu gáy, tìm vịt, cuốc ngực trắng, bông chanh, bói cá nhỏ, chiến chiến bụng hung, chiến chiến bụng vàng, sẻ bụi đầu đen, di đà. Đặc biệt ở khu vực đất ngập nước ghi nhận được nhiều loài chim nước định cư như: Cò lùn vàng, cò xanh, vạc, cò bọ, cò trắng, chơi chơi nhỏ. Tại khuôn viên cây xanh của Đền Thủy Trung Tiên trên đảo hồ Trúc Bạch, quần thể loài vạc cũng kéo về làm tổ với số lượng lớn. Nhiều loài chim di cư cũng ghi nhận ở khu vực trong các công viên, vườn hoa như: Nhạn bụng trắng, bông lau trung quốc, chích mào lớn, chích đớp ruồi đầu xám, chích mào vàng, đớp ruồi nâu, đớp ruồi vàng, hoét đá, chim manh vân nam, chà vôi trắng, chà vôi đầu vàng. Trong đợt điều tra tháng 4/2022 trên đường Hoàng Diệu cũng ghi nhận loài vạc rừng (*Gorsachius melanolophus*) trong sân vườn biệt thự nhà riêng. Khu vực bãi bồi ven sông Hồng ở phường Phúc Xá cũng ghi nhận được nhiều loài chim ít gặp như: Phướn, bắt cô trôi cột, diệc lửa, gõ kiến nhỏ bụng trắng, vẹt ngực đỏ, vàng anh trung quốc, thiên đường đuôi phướn, giẻ

cùi, sáo sậu, sẻ đồng mặt đen. Nghiên cứu cũng đã ghi nhận được 5 loài chim ăn thịt ban ngày thuộc bộ Ưng và bộ Cắt bao gồm: Điều trắng, điều nâu, điều ẩn độ, cắt lưng hung, cắt lớn. Loài cắt lưng hung (*Falco tinnunculus*) được ghi nhận ngay trên khu vực quảng trường Ba Đình. So sánh số lượng loài chim giữa quận Ba Đình với các quận Hoàn Kiếm, Tây Hồ [10], Cầu Giấy [11], Nam Từ Liêm [12] (Hình 2) cho thấy quận Ba Đình đa dạng nhất về thành phần loài.

Trong số 37 họ chim ghi nhận được ở quận Ba Đình, họ Đớp ruồi (Muscipidae) đa dạng nhất về thành phần loài với 15 loài. Tiếp theo là họ Chích lá (Phylloscopidae) với 10 loài. Họ Cu cu (Cuculidae) và họ Diệc (Ardeidae) cùng có 8 loài. Tuy nhiên, cũng có tới 15 họ chỉ ghi nhận được một loài đại diện duy nhất.

Về các loài chim nguy cấp, quý, hiếm, ở quận Ba Đình đã ghi nhận được loài vẹt ngực đỏ (*Psittacula alexandri*) được xếp ở bậc NT (loài sắp bị đe dọa) trong Danh lục Đỏ IUCN (2023) [13]. Có 7 loài chim có tên trong Nghị định số 84/2021/NĐ-CP [14] bao gồm 1 loài thuộc nhóm IB là loài cắt lớn (*Falco peregrinus*) và 6 loài thuộc nhóm IIB (điều trắng, điều nâu, điều ẩn độ, cắt lưng hung, vẹt ngực đỏ và họa mi). Các loài chim ăn thịt là những loài bảo trợ (umbrella species) cho hệ sinh thái, có vai trò quan trọng duy trì sự đa dạng về thành phần loài của quần xã sinh vật trong khu vực.

Thành phố Hà Nội đang triển khai xây dựng quy hoạch phát triển thành phố ở hai bên bờ sông Hồng với chiều dài 40 km trải dài qua 13 quận huyện trong đó trên địa bàn quận Ba Đình, phân khu đô thị sông Hồng nằm chủ yếu trên địa bàn phường Phúc Xá với khoảng 1,3 km bờ hữu Hồng từ đoạn gần ngã 15 Hồng Hà đến cầu Long Biên. Đây cũng là khu vực đã ghi nhận được khá đa dạng các loài chim trong đó có nhiều loài chim di cư, nhiều loài chim nước, nhiều loài chim ăn thịt. Vì vậy, trong quá trình quy hoạch quận Ba Đình, thành phố Hà Nội cần cân nhắc tới bảo tồn các sinh cảnh sống của các loài chim hoang dã, bảo tồn đa dạng sinh học góp phần phát triển bền vững.

4. KẾT LUẬN

Nghiên cứu trong năm 2022 - 2023 ở quận Ba Đình đã ghi nhận được 110 loài chim thuộc 73 giống, 37 họ, 12 bộ. Trong đó có 58 loài định cư, 44 loài di cư, 1 loài lang thang và 7 loài vừa có quần thể định cư và di cư. 6 loài được ghi nhận bổ sung cho khu hệ chim ở thành phố Hà Nội bao gồm: Gõ kiến nhỏ bụng hung (*Dendrocopos hyperythrus*), Phụng chèo hồng nâu (*Pericrocotus cantonensis*), Phụng chèo xám lớn (*Coracina javensis*), Chích đất vàng (*Phylloscopus cantator*), Chích đuôi trắng kloss (*Phylloscopus ogilviegranti*), Sẻ bụi vàng (*Passer flaveolus*). Công viên, hồ nước và các khu vực bãi bồi ven sông là những nơi có tính đa dạng các loài chim cao, đặc biệt là các loài chim di cư. Trong quá trình quy hoạch phát triển quận Ba Đình, thành phố Hà Nội cần quan tâm đến bảo tồn đa dạng sinh học đáp ứng phát triển bền vững và hướng tới một thành phố sinh thái.

LỜI CẢM ƠN

Nghiên cứu được hỗ trợ kinh phí từ đề tài cấp Bộ Giáo dục và Đào tạo mã số B2021-SPH-13 và sự giúp đỡ của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội. Nhóm nghiên cứu xin trân trọng cảm ơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Cục Thống kê thành phố Hà Nội (2023). *Niên giám thống kê thành phố Hà Nội 2022*. Nxb Thống kê.
2. Phạm Hồng Phương, Lê Mạnh Hùng (Đồng chủ biên), Ngô Vũ Thắng, Đinh Hoàng Long, Nguyễn Hữu Phụng, Giáp Hồng Sơn (2022). *Chim Hà Nội*. Nxb Khoa học Tự nhiên và Công nghệ.
3. Lê Mạnh Hùng (chủ biên), Bùi Đức Tiến, Nguyễn Mạnh Hiệp, Tăng A Pầu, Trần Anh Tuấn (2020). *Các loài chim Việt Nam*. Nhã Nam và Nxb Thế giới.
4. Nhà xuất bản Tài nguyên Môi trường và Bản đồ Việt Nam (2020). *Tập bản đồ hành chính 63 tỉnh, thành Việt Nam*. Nxb Tài nguyên Môi trường và Bản đồ Việt Nam.
5. Robson C. (2015). *Birds of South-East Asia, second edition*. Christopher Helm, Bloomsbury Publishing, London.

6. Craik, R. & Le Quy Minh (2018). *Birds of Vietnam*. Lynx and BirdLife International Field Guider. Lynx Edicions, Barcelona.
7. Lepage, D. (2023). *Checklist of the birds of Vietnam*. Avibase, the world bird database. Retrieved from <https://avibase.bsc-eoc.org> (5/6/2023).
8. del Hoyo, J. ed. (2020). *All the Birds of the World*. Lynx Edicions, Barcelona.
9. Nguyễn Lâm Hùng Sơn, Nguyễn Thanh Vân (2011). *Danh lục chim Việt Nam*. Nxb Nông nghiệp.
10. Nguyễn Lâm Hùng Sơn, Trịnh Thị Nga, Vương Thu Phương, Nguyễn Thanh Vân (2021). Đa dạng thành phần loài chim ở quận Hoàn Kiếm và quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội. *Tạp chí Nông nghiệp và PTNT*, số 14, tr. 135 - 144.
11. Nguyễn Quang Huy, Vương Thu Phương, Nguyễn Lâm Hùng Sơn (2022). *Đa dạng thành phần loài chim ở quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội*. Báo cáo khoa học về Nghiên cứu và giảng dạy sinh học ở Việt Nam, Hội nghị khoa học quốc gia lần thứ 5. Nxb Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, tr. 109 - 116. DOI: 10.15625/vap.2022.0012.
12. Vương Thu Phương, Nguyễn Lâm Hùng Sơn, Bùi Thị Hằng, Quan Thị Dung (2018). Đa dạng thành phần loài chim ở quận Nam Từ Liêm, Hà Nội trong quá trình đô thị hóa. *Tạp chí Nông nghiệp và PTNT*, số 9, 124 - 129.
13. International Union for Conservation of Nature (2023). *The IUCN Red List of Threatened Species, ver. 2022-2*. Retrieved from <https://www.iucnredlist.org> (5/6/2023).
14. Chính phủ (2021). *Nghị định số 84/2021/NĐ-CP ngày 22/9/2021 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã, nguy cấp*.

BIRD SPECIES DIVERSITY IN BA DINH DISTRICTS, HA NOI CITY

Nguyen Lan Hung Son¹, Nguyen Trong Nghia², Nguyen Quang Huy³

¹Hanoi National University of Education,

²K31 Biology master student, HNUE

³K30 Biology master student, HNUE

Summary

Ba Dinh is one of 12 districts of Ha Noi city and one of 4 central districts with a high urbanization rate with a population density of 24,223.7 people/km². The district has many historical and cultural relics and is the political center of the country. Ba Dinh district has many parks, lakes, and large green coverage with many hundreds of years old trees. Bird research in Ba Dinh district from March 2022 to June 2023 recorded 110 species belonging to 73 genera, 37 families, 12 orders. Of these, there are 58 resident species, 44 migratory species, 1 vagrant species and 7 species that have both resident and migratory population. 6 species were first recorded to the avifauna in Ha Noi city including: *Dendrocopos hyperythrus*, *Pericrocotus cantonensis*, *Coracina javensis*, *Phylloscopus cantator*, *Phylloscopus ogilviegranti*, *Passer flaveolus*. Parks, lakes, and riverside mudflats are places with high bird diversity, especially migratory birds. In the process of planning for the development of Ha Noi capital, it is necessary to pay attention to biodiversity conservation to meet sustainable development and move towards an ecological city.

Keywords: *Birds, diversity, first records, urbanization, Ba Dinh, Ha Noi.*

Người phản biện: PGS.TS. Đồng Thanh Hải

Ngày nhận bài: 29/8/2023

Ngày thông qua phản biện: 25/9/2023

Ngày duyệt đăng: 28/9/2023